

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 434 /XMST-KHCL
V/v mời chào giá gói mua sắm: Mua sắm
vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020
(Ký hiệu XMST/2020/VTPTN)

Phủ Thọ, ngày 4 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: **Các nhà cung cấp tham gia chào giá.**

Gói mua sắm: Mua sắm vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020
(Ký hiệu XMST/2020/VTPTN)

Gồm: Lô 1: Vật tư thay thế phục vụ sửa chữa các thiết bị phòng Thí Nghiệm
Lô 2: Thiết bị công cụ dụng cụ;
Lô 3: Vật tư hóa chất.

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá gói mua sắm: **Mua sắm vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020 (Ký hiệu XMST/2020/VTPTN)** (chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm).

Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hôm 11/05, ngày 8/5/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hôm 11/05, ngày 8/5/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mrs Ánh Hồng: 0948202268.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KHCL;
- Lưu: VT, KHCL.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Tên gói chào giá: Vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020

Gồm: **Lô 1: Gói mua sắm Vật tư thay thế phục vụ sửa chữa các thiết bị phòng Thí Nghiệm;**

Lô 2: Thiết bị công cụ dụng cụ;

Lô 3: Gói mua sắm Vật tư hóa chất.

Bên mời chào giá: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Phú Thọ, tháng 4 năm 2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Tên gói mua sắm: Mua sắm vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020
Gồm: Lô 1: Vật tư thay thế phục vụ sửa chữa các thiết bị phòng Thí Nghiệm;
Lô 2: Thiết bị công cụ dụng cụ;
Lô 3: Gói mua sắm Vật tư hóa chất.

Phương án mua sắm: Mua sắm vật tư thiết bị phòng Thí Nghiệm, gồm: Lô 1: Vật tư thay thế phục vụ sửa chữa các thiết bị phòng Thí Nghiệm; Lô 2: Thiết bị công cụ dụng cụ; Lô 3: Vật tư hóa chất; Thay thế và dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy xay; Vật tư ngành nước.

Phát hành ngày Ngày 4 / 5 / 2020

Phú Thọ, ngày 4 tháng 5 năm 2020

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Q.Trưởng Phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO**



Bùi Thu Phương



Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Tên Công ty, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: **Mua sắm vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020 (Ký hiệu XMST/2020/VTPTN).**

Gồm có 03 lô chào giá:

+ Lô số 01: **Vật tư thay thế phục vụ sửa chữa các thiết bị phòng Thí Nghiệm** (Ký hiệu VTSC.01)

+ Lô số 02: **Thiết bị công cụ dụng cụ** (Ký hiệu VTCCDC.02)

+ Lô số 03: **Vật tư hóa chất** (Ký hiệu VTHC.03)

(Nhà cung cấp có thể chào 1 trong 3 lô, hoặc chào cả 03 lô nhưng phải chào đủ số lượng của lô chào giá mà Nhà cung cấp tham gia).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng:

+ Đối với những mặt hàng mua trong nước Bên Bán (Bên B) giao hàng trong vòng 1 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Đối với những mặt hàng nhập khẩu Bên Bán (Bên B) giao hàng trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa

đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào giá, của nhà cung cấp. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp, *tài liệu bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2018 hoặc năm 2019 phải dương và có ít nhất 1 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm. Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu*);
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu;
5. Bản cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, cung cấp CO, CQ theo yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
6. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp

không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ**”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó

của người ký đơn chào hàng.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá là: **hồi 11^{h00} ngày 8 tháng 5 năm 2020.**

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 11. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào **hồi 11^{h15} ngày 8 tháng 5 năm 2020** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 12. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 14. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp hợp lệ. Đối với nhà thầu không có tên trong phương án được phê duyệt phải đảm bảo: Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2018 hoặc năm 2019 phải dương. Tổng giá trị 02 hợp đồng tương tự lớn hơn giá trị gói mua sắm.
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào thấp nhất;
6. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.
7. Đánh giá, xem xét trúng cung cấp cho từng lô: Nhà cung cấp có thể chào 1 trong 3 lô, hoặc chào cả 03 lô nhưng phải chào đủ số lượng của lô chào giá mà Nhà cung cấp tham gia (theo **Mục 1. Phạm vi gói mua sắm**). Nhà cung cấp được xem xét trúng cung cấp cho 1 trong 3 lô, hoặc cả 3 lô

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn 1 trong 3 lô hoặc cả 3 lô của nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Nhà cung cấp có thể ký kết hợp đồng với 1 trong 3 lô hoặc cả 3 lô. Tại thời điểm ký kết HĐKT, Thư chào giá từng lô chào của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung

cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 17. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa với 1 trong 3 lô hặc cả 3 lô nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn/thư kiến nghị:

+ Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

+ Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

+ Tel: 02103.884.927 Fax:02103.884.929;

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

d) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

đ) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

+ Tài liệu chứng minh giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2018 hoặc

2019 phải dương.

+ Nhà cung cấp có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đánh giá kỹ thuật theo từng lô của gói mua sắm

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Nội dung đánh giá theo Chương II: Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp theo từng lô.

3.1. Chất lượng, điều kiện nghiệm thu và bảo hành theo từng lô:

+ Chất lượng, điều kiện nghiệm thu:

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng;
- Hàng hóa phải đúng thông số kỹ thuật, xuất xứ, mã hiệu và số lượng;
- Hàng hóa phải được đóng gói, bảo quản theo đúng quy định của Nhà sản xuất;
- Hàng hóa phải có đầy đủ C/O (đối với hàng nhập khẩu), C/Q của Nhà sản xuất

(Bản gốc hoặc bản sao công chứng);

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty Cổ phần xi măng VICEM Sông Thao.

+ Bảo hành:

- Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá thư chào giá cho từng lô:

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I	Tư cách của nhà cung cấp	Hợp lệ	Không hợp lệ
II	Đánh giá về kỹ thuật		
1	Phạm vi cung cấp và yêu cầu kỹ thuật	Nhà cung cấp chào đủ số lượng, đúng mã thiết bị, đúng hãng sản xuất/ Xuất xứ cho từng lô	Nhà cung cấp chào không đủ số lượng, sai mã thiết bị, sai hãng sản xuất/ Xuất xứ cho từng lô
2	Thời gian giao hàng	Đáp ứng yêu cầu từng lô	Không đáp ứng yêu cầu (từng lô)
3	Điều kiện nghiệm thu và bảo hành	Có cam kết đáp ứng yêu cầu từng lô	Không có cam kết (từng lô)
III	Đánh giá về giá	Phương pháp giá thấp nhất	

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào theo từng lô chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của

nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói mua sắm: ____ [*Ghi tên gói mua sắm*]

Gồm: ____ [*Ghi tên cụ thể các lô chào hàng*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá*]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Trong đó: ____ [*Ghi tên và giá trị cụ thể của từng lô chào hàng*]

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ**1. Mua sắm lô số 01 (ký hiệu VTSC.01): VẬT TƯ THAY THẾ PHỤC VỤ SỬA CHỮA CÁC THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM.**

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Lò nung Naberthem B180						
1	Defective feed line fuse (s)		Đức	Bộ	2		
2	Defective contronler fuse		Đức	Bộ	2		
3	Can nhiệt (thermocouple - input)	0-1300°C	Đức	Cái	1		
4	Dây điện trở lò nung (Đức)		Đức	Cái	1		
5	Dây lò xo lò nung (Đức)		Đức	Cái	3		
II	Lò nung Naberthem B410						
1	Defective heating element		Đức	Bộ	6		
2	Can nhiệt (thermocouple - input)	0-1300°C	Đức	Cái	1		
3	Dây điện trở lò nung (Đức)		Đức	Cái	1		
4	Dây lò xo lò nung (Đức)		Đức	Cái	3		
III	Tủ dưỡng						
1	Lốc làm lạnh điều chỉnh nhiệt độ	QD75;162W,1,2A.220V.50HZ, 1PA	TQ	Cái	1		
2	Máy phun sương tủ dưỡng ẩm	Cuckoo: CH-6851V	Hàn Quốc	Cái	1		
3	sensor đầu dò báo độ ẩm			bộ	1		
IV	Máy trộn mẫu (02 máy)						
1	Vòng bi 6002	6002	Asia	Vòng	4		
2	Bánh vít, trục vít	Theo mẫu	Asia	Bộ	4		
3	Khớp nối trục hộp giảm tốc	Theo mẫu	Asia	Cái	2		
V	Bàn dẫn tạo mẫu xi măng (01máy)						
1	Động cơ điện	90TDY4; 0.35A;70W; 60r/min	TQ	Cái	1		
2	Sensor vị trí	E2E-X5ME1-Omron	Nhật	cái	2		
3	Điện trở	R*20-50W;6800±5	TQ	cái	2		

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		%					
4	Bộ gá giữ khuôn tạo mẫu	Theo mẫu		Cái	2		
VI	Bề dưỡng mẫu xi măng						
1	Bộ điều khiển nhiệt độ cho bề dưỡng mẫu	C304-02/ZH/0149, V230Ph1, 50/60HZ, 2000W	Italy	Bộ	1		
VII	máy nghiền bi thí nghiệm						
1	Bu lông 8.8 M18x100	8.8 M18x100	VN	bộ	100		
2	bảo dưỡng động cơ máy nghiền		VN	Cái	2		
VIII	Máy lấy mẫu ngoài dây truyền						
1	Vòng bi DL 50712201	DL 50712201	Asia	cái	4		
2	Vòng hãm lò xo lỗ 032	032	VN	Cái	8		
3	Vòng hãm trục 032	032	VN	Cái	8		
4	Vòng bi 6205	6205	VN	Cái	8		
5	Phốt 25x45x8	25x45x8	VN	Cái	8		
IX	Máy nghiền rung gia công mẫu cho máy X-ray						
1	Bu lông lục giác M10x50	M10x50	VN	Bộ	10		
2	Bu lông lục giác chìm M6x30	M6x30	VN	Cái	10		
3	Động cơ - Tốc độ 927 r/min; Công suất 1,1 Kw, Kiểu M3AA 90LD 6	1,1 Kw, Kiểu M3AA 90LD 6	TQ	Cái	1		
4	Vòng bi NSK 6004ZZC3E	NSK 6004ZZC3E	NSK	Vòng	4		
5	Vòng bi NSK 6205 ZZC3E	NSK 6205 ZZC3E	NSK	Vòng	4		
6	rơ le thời gian	JS11DN	TQ	Bộ	1		
7	môn giữ cối máy nghiền	Theo mẫu		Bộ	1		
X	Lò nung điện 10000C SX2-4-10						
1	dây gia nhiệt cho lò nung	Theo mẫu	TQ	sợi	2		

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
XI	Máy sàng khí	SF - 150	TQ/ ITALY	Bộ	1		
XII	Máy trộn mẫu matest	E093	Italy	Bộ	1		
XIII	Máy lấy mẫu ngoài dây truyền	CT3-P/499	TQ	Bộ	2		
XIV	Lò nung	LT15/13 - B410	ĐỨC	cái	1		
XV	Tủ sấy	UN110	ĐỨC	cái	1		
XVI	Máy nghiền rung gia công mẫu cho máy X-ray	ZHM-1A	TQ	cái	1		
	Cộng trước thuế						
	Thuế VAT 10%						
	Cộng sau thuế						

2. Mua sắm lô số 02 (ký hiệu VTCCDC.02): THIẾT BỊ CÔNG CỤ DỤNG CỤ.

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Bình tỷ trọng lechaterlie	Dung tích (250±5)ml hoặc (310±5)ml	Thủy tinh	EU/ANH	bình	1		
2	Bình tia nước cắt (bình nhựa chịu nhiệt)		nhựa	TQ	Bình	5		
3	Bút viết mực không phai	Loại to		VN	cái	200		
4	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 0.08	Cao: 4cm, đường kính sàng: (miệng sàng: 15.8cm, đáy sàng: 14.8cm)		TQ	cái	5		
5	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 0.09	Cao: 4cm, đường kính sàng: (miệng sàng: 15.8cm, đáy sàng: 14.8cm)		TQ	cái	5		
6	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 0.045	Cao: 4cm, đường kính sàng: (miệng sàng: 15.8cm, đáy sàng: 14.8cm)		TQ	cái	5		
7	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 200			TQ	Cái	3		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
8	Bếp hồng ngoại (loại đơn)	AC 220V, công suất 2000W		VN	Cái	10		
9	Băng dính hai mặt	Loại to		VN	cuộn	50		
10	Băng dính trắng loại to	Loại to		VN	cuộn	50		
11	Bi nghiền cho máy nghiền bi thí nghiệm	Bi đạn, trụ cầu		VN	Kg	100		
12	Bay sắt trộn mẫu			VN	Cái	3		
13	Bộ điều khiển nhiệt độ FOX 2002	Dải đo nhiệt độ (0-50) °C		TQ	Bộ	1		
14	Chén sứ nung mẫu Loại 30 ml	Loại 30ml		TQ	chiếc	100		
15	Chén sứ nung mẫu Loại 40 ml	Loại 40ml		TQ	chiếc	100		
16	Chén bạc phá mẫu	Loại 30ml		TQ	chiếc	5		
17	Cốc thủy tinh Loại 500 ml	Loại 500ml		TQ	chiếc	30		
18	Cốc thủy tinh Loại 250 ml	Loại 250ml		TQ/ĐỨC	chiếc	40		
19	Cốc thủy tinh loại 2000ml	Loại 2000ml		TQ	chiếc	15		
20	Bình tam giác nút nhám 250ml	Loại 250ml		TQ	chiếc	20		
21	Buret 25ml	Loại 25ml		TQ	chiếc	0		
22	Cân phân tích max 240g	Entris 224i-1S, độ chính xác 10^{-4}		ĐỨC	cái	1		
23	Cân kỹ thuật	Loại 600g, độ chính xác 10^{-2}		EU	cái	1		
24	Cân kỹ thuật	Loại 5000g, độ chính xác 10^{-1}		EU	cái	1		
25	Cân bàn điện tử sách tay	Tải trọng tối đa: 100Kg; sai số: 20-50g; hoặc loại tương đương		Hàn Quốc	cái	1		
26	Chổi quét sơn	Loại to		VN	chiếc	70		
27	Cát tiêu chuẩn ISO	Cát tiêu chuẩn ISO 679, TCVN 6227:1996		VN	Tấn	4		
28	Cát thí nghiệm bê tông			VN	m3	15		
29	Đá thí nghiệm bê tông			VN	m3	15		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
30	Dầu thử nghiệm Blaine (Dibutyl Phtalate)	Dầu Dibutyl Phtalate		TQ	lít	2		
31	Dây thít nhựa loại nhỏ	Kích thước 2x150mm		VN	chiếc	6000		
32	Dây thít nhựa loại trung bình	Kích thước 2x200mm		VN	chiếc	6000		
33	Dây thít nhựa loại to	Kích thước 2x300mm		VN	chiếc	3000		
34	Đũa thủy tinh			TQ	Cái	10		
35	đôi nạp bình khí Ar + CH ₄	Loại khí P10 (90%Ar + 10%CH ₄)		Singapore	Cái	4		
36	Giấy thấm khí Blaine	F 12.8mm; 500 tờ/hộp		ANH	Hộp	60		
37	Giấy đo pH	Khoảng đo pH: 1-14; Đạt yêu cầu PTN loại không tàn		ĐỨC	Hộp	10		
38	Giấy lọc băng xanh	40 Filter papers, ashless, diameter 110mm, 100 Cicles		ĐỨC	Hộp	30		
39	Giấy lọc băng vàng	Filter Discs (Quant) Grade:389 (FT-3-102-110, 0110, 100 tấm./hộp		ĐỨC	Hộp	50		
40	Hệ thống phun sương của tủ dưỡng mẫu	Máy phun ẩm cơ Cuckoo; Công suất 1600 ÷ 1800W; Công nghệ lọc HEPA		Hàn Quốc	bộ	2		
41	Lọ đựng chỉ thị nút cao su 100ml	Loại 100 ml		TQ	lọ	10		
42	mặt kính đồng hồ	F 10 cm		TQ	chiếc	30		
43	Nhiệt kế thủy tinh	Dải đo nhiệt độ (0-50) °C		TQ	Cái	4		
44	Phễu thủy tinh □ 6,5cm	F 6,5 cm, bầu phễu dài		TQ	chiếc	20		
45	Quả bóp cao su	Loại cao su mềm f 10 cm		TQ	chiếc	70		
46	Túi giấy đựng mẫu 13x18cm	KT: 13x18 cm		VN	chiếc	20000		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
47	Túi đựng mẫu nilon chứa 0.5 kg mẫu	KT: 15x20 cm		VN	kg	300		
48	Túi nilon dày loại đựng 5 kg mẫu	KT: 30x40 cm		VN	kg	200		
49	Tỷ trọng kế	Dải đo từ 1,000÷1.200		Italy	cái	2		
50		Dải đo từ 1,000÷1.100		Italy	cái	2		
51	Tỷ trọng kế xăng dầu	0,800÷ 0,850		Italy	cái	3		
52	Tuýp thử nước xăng dầu KOLORKUT			VN	Tuýp	2		
53	Hộp cất vạch thước KOLOKUT			VN	Hộp	1		
54	Thước nhôm chữ T đo cổ téc xăng dầu	0 Cm ÷50Cm		VN	Cái	2		
55	Nhiệt kế cốc bao đo xăng dầu	0 °C ÷50°C		VN	Cái	1		
56	Nhiệt kế thủy tinh	-30÷80°C		VN	Cái	2		
57	Giá đựng hóa chất	Thép chống ăn mòn		TQ/VN	Cái	10		
58	Viên trợ nghiền cho máy nghiền X-ray	Loại Spectromelt C20, dạng viên		ĐỨC	Kg	30		
59	Joăng dùng cho bom máy phân tích nhiệt lượng XRY-1B (loại đk 0,6)	loại đường kính: 0,6		VN	cái	50		
60	Chén thạch anh	Theo mẫu		Đức	cái	3		
61	Khuôn ép mẫu	Theo mẫu		TQ	cái	15		
62	Khuôn lechatelier	Theo mẫu		TQ/VN	cái	5		
63	Máy tính và máy in	Dell intel Core i5		VN	bộ	4		
64	Xe đạp đi lấy mẫu			VN	cái	2		
65	Dây gia nhiệt tủ sấy	Theo mẫu		TQ/VN	cái	3		
66	Bình tam giác nút nhám			TQ	cái	10		
67	Van Hute2.5MPa	Theo mẫu			cái	1		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Cộng giá trị trước thuế							
	Thuế VAT 10%							
	Cộng giá trị sau thuế							

3. Mua sắm lô số 03 (ký hiệu VTHC.03): VẬT TƯ HÓA CHẤT.

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Vật liệu	Xuất xứ	Đvt	S.lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Acid Clohydric (HCl)	(36-38)%		TQ	Lít	50		
2	Acid Axetic (CH ₃ COOH)	³ 99.5%		TQ	Lít	5		
3	Acid Sunfusalicilic (C ₇ H ₆ O ₆ S.2H ₂ O)	³ 99%		TQ	kg	1		
4	Amoni Clorua (NH ₄ Cl)	³ 99.5%		TQ	Kg	5		
5	Bari Clorua (BaCl ₂)	³ 99.5%		TQ	Kg	10		
6	Cồn tuyệt đối (C ₂ H ₅ OH)	³ 99.7%		VN	Lít	300		
7	Chỉ thị Fluorexon	CTPT: C30H ₂₆ N ₂ O ₁₃		ANH	Gam	25		
8	Chỉ thị Etoo			ANH	gam	25		
9	Chỉ thị xylenol da cam			ANH	Gam	25		
10	Chỉ thị MO (Metyl da cam)			ANH	Gam	25		
11	Chỉ thị MR (Metyl đỏ)			ANH	Gam	25		
12	Chỉ thị PP (phenolphthalein)			ANH	Gam	100		
13	Dung dịch NH ₃ đậm đặc (NH ₄ OH)	(25-28)%		TQ	Lít	10		
14	Dầu bôi khuôn cơ lý Xm	Dầu ăn		VN	Lít	30		
15	Dầu hỏa	dầu hỏa		VN	lít	20		
16	Glyxerin (CH ₂ OHCHOHCH ₂ OH)	≥ 99%		VN	Lít	40		
17	Natri Hidroxit (NaOH)	tinh thể		TQ	Kg	5		
18	Kali Hidroxit (KOH)	³ 82%		TQ	Kg	15		
19	Kali Clorua (KCl)	³ 99.5%		TQ	Kg	1		

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Vật liệu	Xuất xứ	Đvt	S.lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
20	Natri Cacbonat (Na ₂ CO ₃)	³ 99.8%		TQ	Kg	10		
21	Natri Clorua (NaCl)	³ 99.5%		TQ	Kg	1		
22	Natri Axetat (NaCH ₃ COO.3H ₂ O)	tinh thể		TQ	Kg	5		
23	Kẽm Axetat ZN(CH ₃ COO) ₂	tinh thể ≥ 99%		EU	Kg	1		
24	Ống chuẩn HCl 1N	Nồng độ chính xác 1N		EU	ống	10		
25	Ống chuẩn NaOH 0.1N	Nồng độ chính xác 0.1N		EU	ống	10		
26	Ống chuẩn NaOH 0.5 N	Nồng độ chính xác 0.5N		EU	ống	10		
27	Ống chuẩn EDTA 0.1M	Nồng độ chính xác 0.1M		EU	ống	5		
28	Thủy ngân Hg	≥ 99%		Anh	gam	100		
29	Phụ gia bê tông	Silk road		VN	lít	160		
30	Viên acid benzoic chuẩn dùng cho máy PT nhiệt	Dùng để chuẩn máy phân tích nhiệt lượng (50 viên/lọ): Nhiệt hay sự cháy: 11373 btu/lb; 6318 1tcal/g; 26454 MJ/kg		ĐỨC	lọ	1		
31	Axit citric C ₆ H ₈ O ₇ .H ₂ O	dạng tinh thể dùng cho phân tích P2O ₅		TQ	kg	2		
32	MgCL ₂ tinh thể	dạng tinh thể dùng cho phân tích P2O ₆		TQ	kg	2		
33	Ống chuẩn H ₂ SO ₄ 005N	dạng tinh thể dùng cho phân tích P2O ₇		TQ	ống	5		
Cộng giá trị trước thuế								
Thuế VAT 10%								
Cộng giá trị sau thuế								

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên bên mời chào giá:	[ghi tên đầy đủ của bên mời chào giá trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của bên mời chào giá] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá⁽¹⁾.		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của bên mời chào giá về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẴM

Mục 1. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa được mô tả tại Mục 3 Chương II-Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

Mục 2. Thời gian thực hiện và tiến độ cung cấp.

+ Đối với những mặt hàng mua trong nước Bên Bán (Bên B) giao hàng trong vòng 1 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Đối với những mặt hàng nhập khẩu Bên Bán (Bên B) giao hàng trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật.

Các yêu cầu về kỹ thuật, điều kiện nghiệm thu, bảo hành được nêu tại Mục 3 Chương II-Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2020/HĐKT

V/v: Mua sắm vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020
(Ký hiệu XMST/2020/VTPTN)

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Bộ luật Thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH 11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Mua sắm vật tư thiết bị phòng thí nghiệm năm 2020 (Ký hiệu XMST/2020/VTPTN);

Biên bản thương thảo Hợp đồng kinh tế ngày / /2020 giữa Hai Bên

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2020, tại VICEM Sông Thao, chúng tôi gồm:

I. BÊN A : Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy

Chức vụ : Tổng giám đốc

Địa chỉ : Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ

Điện thoại : 0210.3884927 Fax: 0210.3884.929

Mã số thuế : 2600279082

Tài khoản : 118 600 399 566

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đền Hùng.

II. BÊN B :

Đại diện : Chức vụ:.....

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:.....

Mã số thuế :

Tài khoản :

Ngân Hàng :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung, giá trị, hình thức Hợp đồng:

1.1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc: Vật tư thay thế phục vụ sửa chữa các thiết bị phòng Thí nghiệm; Thiết bị công cụ dụng cụ; Vật tư hóa chất phòng thí nghiệm của Nhà máy Bên A.

1.2. Giá trị Hợp đồng: đồng (bao gồm giá trị của 3 lô mua sắm)

(Bằng chữ:).

BẢNG CHI TIẾT DANH MỤC CÁC LÔ MUA SẮM

A. Mua sắm lô số 01: VẬT TƯ THAY THẾ PHỤC VỤ SỬA CHỮA CÁC THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM.

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Lò nung Naberthem B180						
1	Defective feed line fuse (s)		Đức	Bộ	2		
2	Defective contronler fuse		Đức	Bộ	2		
3	Can nhiệt (thermocouple - input)	0-1300°C	Đức	Cái	1		
4	Dây điện trở lò nung (Đức)		Đức	Cái	1		
5	Dây lò xo lò nung (Đức)		Đức	Cái	3		
II	Lò nung Naberthem B410						
1	Defective heating element		Đức	Bộ	6		
2	Can nhiệt (thermocouple - input)	0-1300°C	Đức	Cái	1		
3	Dây điện trở lò nung (Đức)		Đức	Cái	1		
4	Dây lò xo lò nung (Đức)		Đức	Cái	3		
III	Tủ dưỡng						
1	Lốc làm lạnh điều chỉnh nhiệt độ	QD75;162W,1,2A.220V.50HZ, 1PA	TQ	Cái	1		
2	Máy phun sương tủ dưỡng ẩm	Cuckoo: CH-6851V	Hàn Quốc	Cái	1		
3	sensor đầu dò báo độ ẩm			bộ	1		
IV	Máy trộn mẫu (02 máy)						
1	vòng bi 6002	6002	Asia	Vòng	4		
2	bánh vít, trục vít	Theo mẫu	Asia	Bộ	4		
3	khớp nối trục hộp giảm tốc	Theo mẫu	Asia	Cái	2		
V	Bàn dẫn tạo mẫu xi măng (01máy)						

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	động cơ điện	90TDY4; 0.35A;70W; 60r/min	TQ	Cái	1		
2	Sensor vị trí	E2E-X5ME1- Omron	Nhật	cái	2		
3	Điện trở	R*20- 50W;6800±5 %	TQ	cái	2		
4	Bộ gá giữ khuôn tạo mẫu	Theo mẫu		Cái	2		
VI	Bề dưỡng mẫu xi măng						
1	Bộ điều khiển nhiệt độ cho bề dưỡng mẫu	C304- 02/ZH/0149, V230Ph1, 50/60HZ, 2000W	Italy	Bộ	1		
VII	máy nghiền bi thí nghiệm						
1	y Bu lông 8.8 M18x100	8.8 M18x100	VN	bộ	100		
2	bảo dưỡng động cơ máy nghiền		VN	Cái	2		
VIII	Máy lấy mẫu ngoài dây truyền						
1	Vòng bi DL 50712201	DL 50712201	Asia	cái	4		
2	Vòng hãm lò xo lỗ 032	032	VN	Cái	8		
3	Vòng hãm trục 032	032	VN	Cái	8		
4	Vòng bi 6205	6205	VN	Cái	8		
5	Phốt 25x45x8	25x45x8	VN	Cái	8		
IX	Máy nghiền rung gia công mẫu cho máy X-ray						
1	Bu lông lục giác M10x50	M10x50	VN	Bộ	10		
2	Bu lông lục giác chìm M6x30	M6x30	VN	Cái	10		
3	Động cơ - Tốc độ 927 r/min; Công suất 1,1 Kw, Kiểu M3AA 90LD 6	1,1 Kw, Kiểu M3AA 90LD 6	TQ	Cái	1		
4	Vòng bi NSK 6004ZZC3E	NSK 6004ZZC3E	NSK	Vòng	4		
5	Vòng bi NSK 6205 ZZC3E	NSK 6205 ZZC3E	NSK	Vòng	4		
6	rơ le thời gian	JS11DN	TQ	Bộ	1		
7	màn giữ cối máy nghiền	Theo mẫu		Bộ	1		

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
X	Lò nung điện 10000C SX2-4-10						
1	dây gia nhiệt cho lò nung	Theo mẫu	TQ	sợi	2		
XI	Máy sàng khí	SF - 150	TQ/ ITALY	Bộ	1		
XII	Máy trộn mẫu matest	E093	Italy	Bộ	1		
XIII	Máy lấy mẫu ngoài dây truyền	CT3-P/499	TQ	Bộ	2		
XIV	Lò nung	LT15/13 - B410	ĐỨC	cái	1		
XV	Tủ sấy	UN110	ĐỨC	cái	1		
XVI	Máy nghiền rung gia công mẫu cho máy X-ray	ZHM-1A	TQ	cái	1		
	Cộng trước thuế						
	Thuế VAT 10%						
	Cộng sau thuế						

B. Mua sắm lô số 02: THIẾT BỊ CÔNG CỤ DỤNG CỤ.

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Bình tỷ trọng lechaterlie	Dung tích (250±5)ml hoặc(310±5)ml	Thủy tinh	EU/ANH	bình	1		
2	Bình tia nước cát (bình nhựa chịu nhiệt)		nhựa	TQ	Bình	5		
3	Bút viết mực không phai	Loại to		VN	cái	200		
4	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 0.08	Cao: 4cm, đường kính sàng: (miệng sàng:15.8cm, đáy sàng:14.8cm		TQ	cái	5		
5	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 0.09	Cao: 4cm, đường kính sàng: (miệng sàng:15.8cm, đáy sàng: 14.8cm		TQ	cái	5		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
6	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 0.045	Cao: 4cm, đường kính sàng: (miệng sàng: 15.8cm, đáy sàng: 14.8cm		TQ	cái	5		
7	Bộ sàng cho máy sàng khí Loại sàng 200			TQ	Cái	3		
8	Bếp hồng ngoại (loại đơn)	AC 220V, công suất 2000W		VN	Cái	10		
9	Băng dính hai mặt	Loại to		VN	cuộn	50		
10	Băng dính trắng loại to	Loại to		VN	cuộn	50		
11	Bi nghiền cho máy nghiền bi thí nghiệm	Bi đạn, trụ cầu		VN	Kg	100		
12	Bay sắt trộn mẫu			VN	Cái	3		
13	Bộ điều khiển nhiệt độ FOX 2002	Dải đo nhiệt độ (0-50) °C		TQ	Bộ	1		
14	Chén sứ nung mẫu Loại 30 ml	Loại 30ml		TQ	chiếc	100		
15	Chén sứ nung mẫu Loại 40 ml	Loại 40ml		TQ	chiếc	100		
16	Chén bạc phá mẫu	Loại 30ml		TQ	chiếc	5		
17	Cốc thủy tinh Loại 500 ml	Loại 500ml		TQ	chiếc	30		
18	Cốc thủy tinh Loại 250 ml	Loại 250ml		TQ/ĐỨC	chiếc	40		
19	Cốc thủy tinh loại 2000ml	Loại 2000ml		TQ	chiếc	15		
20	Bình tam giác nút nhám 250ml	Loại 250ml		TQ	chiếc	20		
21	Buret 25ml	Loại 25ml		TQ	chiếc	0		
22	Cân phân tích max 240g	Entris 224i-1S, độ chính xác 10^{-4}		ĐỨC	cái	1		
23	Cân kỹ thuật	Loại 600g, độ chính xác 10^{-2}		EU	cái	1		
24	Cân kỹ thuật	Loại 5000g, độ chính xác 10^{-1}		EU	cái	1		
25	Cân bàn điện tử sách tay	Tải trọng tối đa: 100Kg; sai số: 20-50g; hoặc loại tương đương		Hàn Quốc	cái	1		
26	Chổi quét sơn	Loại to		VN	chiếc	70		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
27	Cát tiêu chuẩn ISO	Cát tiêu chuẩn ISO 679, TCVN 6227:1996		VN	Tấn	4		
28	Cát thí nghiệm bê tông			VN	m3	15		
29	Đá thí nghiệm bê tông			VN	m3	15		
30	Dầu thử nghiệm Blaine (Dibutyl Phtalate)	Dầu Dibutyl Phtalate		TQ	lít	2		
31	Dây thít nhựa loại nhỏ	Kích thước 2x150mm		VN	chiếc	6000		
32	Dây thít nhựa loại trung bình	Kích thước 2x200mm		VN	chiếc	6000		
33	Dây thít nhựa loại to	Kích thước 2x300mm		VN	chiếc	3000		
34	Đũa thủy tinh			TQ	Cái	10		
35	đổi nạp bình khí Ar + CH ₄	Loại khí P10 (90%Ar + 10%CH ₄)		Singapore	Cái	4		
36	Giấy thấm khí Blaine	F 12.8mm; 500 tờ/hộp		ANH	Hộp	60		
37	Giấy đo pH	Khoảng đo pH: 1-14; Đạt yêu cầu PTN loại không tàn		ĐỨC	Hộp	10		
38	Giấy lọc băng xanh	40 Filter papers, ashless, diameter 110mm, 100 Cicles		ĐỨC	Hộp	30		
39	Giấy lọc băng vàng	Filter Discs (Quant) Grade:389 (FT-3-102-110, 0110, 100 tấm./ hộp		ĐỨC	Hộp	50		
40	Hệ thống phun sương của tủ dưỡng mẫu	Máy phun âm cơ Cuckoo; Công suất 1600 ÷ 1800W; Công nghệ lọc HEPA		Hàn Quốc	bộ	2		
41	Lọ đựng chỉ thị nút cao su 100ml	Loại 100 ml		TQ	lọ	10		
42	mặt kính đồng hồ	F 10 cm		TQ	chiếc	30		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
43	Nhiệt kế thủy tinh	Dải đo nhiệt độ (0-50) °C		TQ	Cái	4		
44	Phễu thủy tinh □ 6.,5cm	F 6,5 cm, bầu phễu dài		TQ	chiếc	20		
45	Quả bóp cao su	Loại cao su mềm f 10 cm		TQ	chiếc	70		
46	Túi giấy đựng mẫu 13x18cm	KT: 13x18 cm		VN	chiếc	20000		
47	Túi đựng mẫu nilon chứa 0.5 kg mẫu	KT: 15x20 cm		VN	kg	300		
48	Túi nilon dày loại đựng 5 kg mẫu	KT: 30x40 cm		VN	kg	200		
49	Tỷ trọng kế	Dải đo từ 1,000÷1.200		Italy	cái	2		
50		Dải đo từ 1,000÷1.100		Italy	cái	2		
51	Tỷ trọng kế xăng dầu	0,800÷ 0,850		Italy	cái	3		
52	Tuýp thử nước xăng dầu KOLOKUT			VN	Tuýp	2		
53	Hộp cất vạch thước KOLOKUT			VN	Hộp	1		
54	Thước nhôm chữ T đo cổ tét xăng dầu	0 Cm ÷50Cm		VN	Cái	2		
55	Nhiệt kế cốc bao đo xăng dầu	0 °C ÷50°C		VN	Cái	1		
56	Nhiệt kế thủy tinh	-30÷80°C		VN	Cái	2		
57	Giá đựng hóa chất	Thép chống ăn mòn		TQ/VN	Cái	10		
58	Viên trợ nghiền cho máy nghiền X-ray	Loại Spectromelt C20, dạng viên		ĐỨC	Kg	30		
59	Joăng dùng cho bom máy phân tích nhiệt lượng XRY-1B (loại đk 0,6)	loại đường kính: 0,6		VN	cái	50		
60	Chén thạch anh	Theo mẫu		Đức	cái	3		
61	Khuôn ép mẫu	Theo mẫu		TQ	cái	15		
62	Khuôn lechatelier	Theo mẫu		TQ/VN	cái	5		
63	Máy tính và máy in	Dell intel Core i5		VN	bộ	4		
64	Xe đạp đi lấy mẫu			VN	cái	2		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
65	Dây gia nhiệt tủ sấy	Theo mẫu		TQ/VN	cái	3		
66	Bình tam giác nút nhám			TQ	cái	10		
67	Van Hute 2.5MPa	Theo mẫu			cái	1		
	Cộng giá trị trước thuế							
	Thuế VAT 10%							
	Cộng giá trị sau thuế							

C. Mua sắm lô số 03: VẬT TƯ HÓA CHẤT.

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Vật liệu	Xuất xứ	Đvt	S.lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Acid Clohydric (HCl)	(36-38)%		TQ	Lít	50		
2	Acid Axetic (CH ₃ COOH)	³ 99.5%		TQ	Lít	5		
3	Acid Sunfusalicilic (C ₇ H ₆ O ₆ S.2H ₂ O)	³ 99%		TQ	kg	1		
4	Amoni Clorua (NH ₄ Cl)	³ 99.5%		TQ	Kg	5		
5	Bari Clorua (BaCl ₂)	³ 99.5%		TQ	Kg	10		
6	Cồn tuyệt đối (C ₂ H ₅ OH)	³ 99.7%		VN	Lít	300		
7	Chỉ thị Fluorexon	CTPT: C ₃₀ H ₂₆ N ₂ O ₁₃		ANH	Gam	25		
8	Chỉ thị Etoo			ANH	gam	25		
9	Chỉ thị xylenol da cam			ANH	Gam	25		
10	Chỉ thị MO (Metyl da cam)			ANH	Gam	25		
11	Chỉ thị MR (Metyl đỏ)			ANH	Gam	25		
12	Chỉ thị PP (phenolphthalein)			ANH	Gam	100		
13	Dung dịch NH ₃ đậm đặc (NH ₄ OH)	(25-28)%		TQ	Lít	10		
14	Dầu bôi khuôn cơ lý Xm	Dầu ăn		VN	Lít	30		
15	Dầu hỏa	dầu hỏa		VN	lít	20		
16	Glyxerin (CH ₂ OHCHOHCH ₂ OH)	≥ 99%		VN	Lít	40		
17	Natri Hidroxit	tinh thể		TQ	Kg	5		

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Vật liệu	Xuất xứ	Đvt	S.lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	(NaOH)							
18	Kali Hidroxit (KOH)	³ 82%		TQ	Kg	15		
19	Kali Clorua (KCl)	³ 99.5%		TQ	Kg	1		
20	Natri Cacbonat (Na ₂ CO ₃)	³ 99.8%		TQ	Kg	10		
21	Natri Clorua (NaCl)	³ 99.5%		TQ	Kg	1		
22	Natri Axetat (NaCH ₃ COO.3H ₂ O)	tinh thể		TQ	Kg	5		
23	Kẽm Axetat ZN(CH ₃ COO) ₂	tinh thể ≥ 99%		EU	Kg	1		
24	Ống chuẩn HCl 1N	Nồng độ chính xác 1N		EU	ống	10		
25	Ống chuẩn NaOH 0.1N	Nồng độ chính xác 0.1N		EU	ống	10		
26	Ống chuẩn NaOH 0.5 N	Nồng độ chính xác 0.5N		EU	ống	10		
27	Ống chuẩn EDTA 0.1M	Nồng độ chính xác 0.1M		EU	ống	5		
28	Thủy ngân Hg	≥ 99%		Anh	gam	100		
29	Phụ gia bê tông	Silk road		VN	lít	160		
30	Viên acid benzoic chuẩn dùng cho máy PT nhiệt	Dùng để chuẩn máy phân tích nhiệt lượng (50 viên/lọ): Nhiệt hay sự cháy: 11373 btu/lb; 6318 lcal/g; 26454 MJ/kg		ĐỨC	lọ	1		
31	Axit citric C ₆ H ₈ O ₇ .H ₂ O	dạng tinh thể dùng cho phân tích P2O ₅		TQ	kg	2		
32	MgCl ₂ tinh thể	dạng tinh thể dùng cho phân tích P2O ₆		TQ	kg	2		
33	Ống chuẩn H ₂ SO ₄ 005N	dạng tinh thể dùng cho phân tích P2O ₇		TQ	ống	5		
	Cộng giá trị trước thuế							
	Thuế VAT 10%							
	Cộng giá trị sau thuế							

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT 10% và các chi phí khác liên quan, giao hàng tại kho của Bên A, địa chỉ: xã Ninh Dân, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ.

1.3. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật:

+ Hàng mới 100%, đúng chủng loại quy cách, nguồn gốc xuất xứ. Hàng hóa được đóng gói, bảo quản tiêu chuẩn của Nhà sản xuất, khi giao hàng còn nguyên đai, nguyên kiện, nguyên tem nhãn trên sản phẩm hoặc trên bao bì đóng gói.

+ Có giấy chứng nhận C/Q và C/O đối với hàng nhập khẩu, chứng chỉ xuất xưởng của Nhà sản xuất đối với hàng sản xuất trong nước (bản gốc hoặc bản sao y công chứng)

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

a. Trường hợp Bên B giao hàng đảm bảo yêu cầu tại Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng, Hai Bên tiến hành nghiệm thu và nhập kho hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.

b. Trường hợp Bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng theo quy định của Hợp đồng, Bên A có quyền từ chối tiếp nhận, nghiệm thu, yêu cầu Bên B cung cấp lại hàng hóa khác đảm bảo chất lượng và đảm bảo thời gian giao hàng theo yêu cầu của Hợp đồng. Mọi chi phí khắc phục để thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.

Điều 3. Thời gian thực hiện, địa điểm và phương thức giao nhận:

3.1. Thời gian thực hiện:

+ Đối với những mặt hàng mua trong nước Bên Bán (Bên B) giao hàng trong vòng 1 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Đối với những mặt hàng nhập khẩu Bên Bán (Bên B) giao hàng trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Trước khi giao hàng 02 ngày, Bên B sẽ thông báo cho Bên A bằng văn bản (*fax, điện thoại*) về thời gian giao hàng.

3.2. Địa điểm: Giao tại kho Bên A, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

3.3. Phương thức giao nhận: Giao hàng trên phương tiện vận tải của Bên B.

Điều 4. Phương thức thanh quyết toán, thanh lý Hợp đồng:

4.1. Điều khoản tạm ứng hợp đồng : Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị của hợp đồng kể từ khi hai bên tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế.

4.2. Quyết toán Hợp đồng: Trên cơ sở Hồ sơ nghiệm thu được A-B ký, Hai Bên tiến hành lập Hồ sơ quyết toán Hợp đồng theo quy định. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B kèm hóa đơn GTGT, Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán. Hồ sơ quyết toán gồm các chứng từ:

+ Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;

+ Biên bản nghiệm thu hàng hóa được A-B ký;

+ Hóa đơn GTGT hàng hóa.

+ Giấy chứng nhận C/Q và C/O đối với hàng nhập khẩu, chứng chỉ xuất xưởng của Nhà sản xuất đối với hàng sản xuất trong nước (bản gốc hoặc bản sao công chứng);

+ Giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng của Bên B có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

+ Hồ sơ quyết toán được A-B ký.

4.3. Thanh lý Hợp đồng:

+ Hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có), Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành, kể từ ngày Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành được A- B ký.

+ Hết thời gian thực hiện Hợp đồng và Hai Bên không có vướng mắc gì thì Hợp đồng tự động được thanh lý.

4.4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.5. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5. Trách nhiệm của Các Bên:

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

a. Phối hợp với Bên B nghiệm thu hàng hoá do Bên B cung cấp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng.

b. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian thực hiện HĐ (nếu có).

c. Thanh toán cho Bên B đúng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm của Bên B:

a. Giao hàng đúng chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn hàng hoá do Bên B cung cấp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp Đồng.

b. Cung cấp hoá đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính.

Điều 6. Phạt vi phạm Hợp đồng:

6.1. Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ sẽ phải chịu phạt 1% giá trị hàng hóa giao chậm/01 ngày giao chậm và thời gian chậm không quá 05 ngày. Nếu thời gian chậm quá 05 ngày Bên A có quyền hủy Hợp đồng hoặc không mua những vật tư giao chậm của Bên B đồng thời Bên B phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng bị chậm.

6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi của giá trị chậm thanh toán theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng trên số tiền chậm thanh toán tại thời điểm chậm trả. Thời gian chậm trả không quá 30 ngày.

Điều 7: Bảo hành:

7.1. Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao.

7.2. Bên B Bảo hành các hư hỏng hàng hóa do lỗi của Nhà sản xuất, không bảo hành các hư hỏng do lỗi của người sử dụng trong quá vận hành gây ra.

7.3. Chế độ bảo hành không áp dụng cho những hư hỏng do nguyên nhân bất khả kháng hoặc chế độ làm việc không phù hợp, vận hành sai quy trình.

Điều 8: Bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, nổi loạn, tội phạm, thiên tai, dịch họa,... Việc thực hiện những nghĩa vụ Hợp đồng có thể được kéo dài bằng khoảng thời gian xảy ra các hiện tượng bất khả kháng trên.

Điều 9: Cam kết chung:

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các Điều Khoản đã ký kết trong Hợp đồng này. Mọi vướng mắc tranh chấp (nếu có) sẽ giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương thuyết không thành Hai Bên thống nhất đưa vụ việc ra Toà án Kinh tế để giải quyết. Phán quyết của toà buộc Hai Bên phải chấp hành, án phí do Bên có lỗi chịu.

9.2. Cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay huỷ bỏ Hợp đồng.

9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập làm 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 04 bản; Bên B giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ, tên
Chức vụ